

Bản án số: **09** /2024/DS-ST
Ngày 26 – 02 – 2025
“V/v tranh chấp về hợp đồng
góp họ (hụi).”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thị Gấm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thu Trang và bà Trần Thị Mộng Lành

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp về hợp đồng góp họ (hụi)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2025/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim Y, sinh năm 1980 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ N, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những ý kiến tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị Kim Y trình bày yêu cầu như sau:

Ngày 20/8/2022 âm lịch, chị có tham gia chơi dây hụi do chị Nguyễn Thị Mỹ N làm chủ hụi, hụi 01 tháng xô 01 lần, chị tham gia chơi 01 chân hụi, hụi giá 2.000.000đ/chân hụi, hụi có 27 phần, chị đóng được 21 lần x 2.000.000đ = 42.000.000đ, trừ tiền hoa hồng xong thì chị N còn nợ lại chị số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng).

Ngày 20/9/2022 âm lịch, chị có tham gia chơi dây hụi do chị Nguyễn Thị Mỹ N làm chủ hụi, hụi 01 tháng xỏ 01 lần, chị tham gia chơi 01 chân hụi, hụi giá 5.000.000đ/chân hụi, hụi có 24 phần, chị đóng được 20 lần x 5.000.000đ = 100.000.000đ.

Ngày 09/4/2023 âm lịch, chị có tham gia chơi dây hụi do chị Nguyễn Thị Mỹ N làm chủ hụi, hụi 01 tháng xỏ 01 lần, chị tham gia chơi 01 chân hụi, hụi giá 2.000.000đ/chân hụi, hụi có 25 phần, chị đóng được 13 lần thì hốt hụi, hốt hụi kêu 900.000đ, trừ thảo 1.200.000đ, hốt được 36.900.000đ, nhưng chị Mỹ N chỉ giao có 15.000.000đ, còn lại 21.900.000đ thì chưa giao, chị có nghĩa vụ đóng lại 11 chân hụi chết là 22.000.000đ, vậy chân hụi này cần trừ luôn với chị Mỹ N nên chân hụi này đã xong. Chị Mỹ N cũng đồng ý cần trừ chân hụi này cho xong.

Vậy chị Mỹ N còn nợ lại chị 02 chân hụi số tiền là 42.000.000đ + 100.000.000đ = 142.000.000đ (Một trăm bốn mươi hai triệu đồng).

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Mỹ N trả cho chị số tiền hụi còn nợ là 142.000.000đ (Một trăm bốn mươi hai triệu đồng), yêu cầu trả trong hạn 02 tháng, không yêu cầu lãi suất.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N trong quá trình giải quyết có ý kiến: Chị Mỹ N thừa nhận chị Kim Y có tham gia chơi 03 chân hụi như chị Kim Y trình bày, thừa nhận còn nợ lại Kim Y chân hụi thứ nhất là 40.000.000đ và chân hụi thứ 02 là 100.000.000đ, tổng cộng 02 chân hụi là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi hai triệu đồng), còn chân hụi thứ 03 thì đã trả cho chị Y 15.000.000đ, chị Y còn phải đóng lại hụi chết 11 lần là 22.000.000đ, phần này cần trừ với số tiền còn nợ chưa trả chị Y là 21.900.000đ là coi như phần hụi này không ai nợ ai. Nay chị thừa nhận còn nợ chị Kim Y số tiền hụi là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng), nay hoàn cảnh khó khăn xin trả mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), trả từ ngày 30/3/2025 cho đến khi dứt nợ.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị Kim Y và Mỹ N giữ nguyên yêu cầu ý kiến như đã trình bày.

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Không có kiến nghị về phần thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tại phiên tòa chị Trần Thị Kim Y yêu cầu giải quyết buộc chị Nguyễn Thị Mỹ N trả số tiền hụi nợ tổng cộng là 140.000.000đ là có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện. Xét thấy, ý kiến trình bày và yêu cầu của chị Y phù hợp với lời khai của bị đơn chị N cùng các tài

liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể đây hội mở ngày 20/8/2022 âm lịch, loại hội 2.000.000đ, chị Y góp được 21 lần hội sống thì chị N tuyên bố bẻ hội, theo hội sống thì chị N được lĩnh hội với số tiền 42.000.000đ, đây hội mở ngày 20/9/2022 âm lịch, loại hội 5.000.000đ chị Y góp được 20 lần hội sống thì chị N tuyên bố úp hội, theo hội sống chị Y được lĩnh hội với số tiền là 100.000.000đ. Chị N có nghĩa vụ giao số tiền hai đây hội cho chị Y là 140.000.000đ, đây là trường hợp có thật, thừa nhận hoặc không phản đối theo yêu cầu của chị Y đưa ra theo quy định tại khoản 2 Điều 92 BLTTDS. Tại phiên tòa các đương sự thống nhất số nợ 140.000.000đ. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Y, chị N phải có nghĩa vụ trả cho chị Y số tiền hội được lĩnh còn nợ là 140.000.000đ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự, khoản 3, khoản 4 Điều 18, khoản 1 Điều 23 và khoản 1 Điều 25 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hộ, hội, biêu, phường. Đồng thời, chị Y không yêu cầu trả lãi chậm trả nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ kiện: Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện A nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân huyện A theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Kim Y khởi kiện yêu cầu chị Mỹ N trả số tiền nợ hội nên quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là “Tranh chấp về hợp đồng dân sự góp hộ (hội)”.

[3] Về thủ tục tố tụng: Do các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[4] Về nội dung vụ án:

Ghi nhận sự thống nhất xác nhận còn nợ giữa các đương sự là: Chị Nguyễn Thị Mỹ N thừa nhận còn nợ chị Trần Thị Kim Y số tiền hội là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Tuy nhiên, về thời hạn trả nợ các đương sự có yêu cầu ý kiến khác nhau nên không có căn cứ để xem xét công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về thời hạn trả nợ thì khi bản án có hiệu lực thì các bên căn cứ vào bản án để thực hiện yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Về lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí của vụ án: $140.000.000đ \times 5\% = 7.000.000đ$ (Bảy triệu đồng), do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ N phải nộp án phí.

Hoàn trả cho chị Trần Thị Kim Y số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân năm 2015; Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 7, Điều 8, Điều 15, Điều 18, Điều 23 và Điều 25 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 quy định về họ, họ, họ, họ, họ; Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Kim Y về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Mỹ N trả số tiền nợ họ là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ N có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Kim Y số tiền họ còn nợ là 140.000.000đ (Một trăm bốn mươi triệu đồng).

2. Về án phí vụ kiện:

Chị Nguyễn Thị Mỹ N có nghĩa vụ nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Chị Trần Thị Kim Y được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 3.825.000đ (Ba triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003568 ngày 30/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Quyền kháng cáo: Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (V).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Thị Gấm